

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ N  
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-5-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Tha

Bà Lê Thị Hoa

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Trần Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 840/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2024 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*- Bị đơn:* Ông **Tôn Đức T**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Trần Thị H** trình bày:

Bà và ông **Tôn Đức T** kết hôn năm 2002 tại UBND xã S. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng cách đây khoảng 03 năm vợ chồng bà không còn tình cảm hạnh phúc như trước nữa, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Kể từ khi bà nộp đơn yêu cầu ly hôn thì bà và ông T không còn sống chung với nhau nữa. Hiện tại ông bà không còn tình cảm với nhau nữa nên bà yêu cầu ly hôn ông T.

Con chung: Ông bà có 02 con chung là Tôn Đức D, sinh ngày 07/10/2002 và Tôn Thị Mỹ D1, sinh ngày 21/12/2005, hai cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn ông Tôn Đức T đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

3. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến trình bày:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, bị đơn ông Tôn Đức T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trần Thị H yêu cầu ly hôn bị đơn ông Tôn Đức T, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn T, xã S thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Tôn Đức T kết hôn năm 2002 tại UBND xã S, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/6/2002. Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà H yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm hạnh phúc như trước nữa và cũng không còn quan tâm đến nhau. Kể từ khi bà nộp đơn yêu cầu ly hôn thì bà và ông T không còn sống chung với nhau nữa. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng ông T vắng mặt trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa, chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông với bà H. Hội đồng xét xử xác định bà H và ông T đã không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu của

nguyên đơn có cơ sở và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

- Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là Tôn Đức D, sinh ngày 07/10/2002 và Tôn Thị Mỹ D1, sinh ngày 21/12/2005, hai cháu đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

#### ***Tuyên xử:***

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn ông Tôn Đức T.

- Về con chung: Đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa giải quyết.

**2.** Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005285 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà H đã nộp đủ án phí.

**3.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã N  
(GCNKH 27/6/2002);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**